

Số: 01/2019/HNGĐ - ST
Ngày 27/02/2019
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hng Thị Sen.

2. Bà Trần Thị Trúc

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hi Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát. Toà án nhân dân huyện Bát Xát mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 125/TLST - HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST - HNGĐ ngày 23/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐ - HPT ngày 12/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Xuân T - Sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Tẩn Thị H - Sinh năm 1984.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn B, xã C, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa (Đã bị Toà án tuyên bố là mất tích).

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Cù Thuý Minh - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Phan Xuân T trình bày: Năm 2004 anh kết hôn với chị Tần Thị H, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B T, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống tại Thôn B, xã C, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cùng B ban nhau làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái và không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến 28/12/2015 không hiểu vì lý do gì mà chị H tự bỏ nhà đi đâu không để lại địa chỉ, anh đã tìm và gặp gỡ bố mẹ, anh em gia đình bên vợ để hỏi tin tức, địa chỉ, chỗ ở hiện tại của chị H nhưng không thể tìm được nơi ở của chị H. Từ đó đến nay chị H không về gia đình, anh cũng không có tin tức gì về địa chỉ, chỗ ở của chị H, đến nay thời gian không có tin tức của chị H đã kéo dài anh đã đi tìm nhiều nơi nhưng không có kết quả. Anh đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị Tần Thị H mất tích. Ngày 17/10/2018 Tòa án đã ra quyết định số 03/2018/QĐST - VDS tuyên bố chị Tần Thị H mất tích.

Từ khi có quyết định của Tòa án đến nay chị H cũng không về nhà, anh cũng không có tin tức gì của chị H. Nay thời gian chị H bỏ nhà đi đã kéo dài, để ổn định cuộc sống sinh hoạt gia đình và của các con, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tần Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung là Phan Quốc H - Sinh ngày 05/12/2005 và Phan Thị Thanh T - Sinh ngày 11/10/2007, nguyện vọng của anh sau khi ly hôn được nuôi dưỡng cháu H và cháu T.

Về tài sản: Anh, chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Tần Thị H: Đã bị Toà án nhân dân huyện Bát Xát tuyên bố là mất tích. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Toà án, chị H vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy Toà án nhân dân huyện Bát Xát tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Tại phiên tòa người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Phan Xuân T được ly hôn với chị Tần Thị H.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phan Quốc H - Sinh ngày 05/12/2005 và Phan Thị Thanh T - Sinh ngày 11/10/2007 cho anh Phan Xuân T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Anh, chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người B về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã đảm bảo đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (Vắng mặt không có lý do)

Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Xuân T

-Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố anh Phan Xuân T và chị Tần Thị H ly hôn

-Về con chung: Giao cháu Phan Quốc H - Sinh ngày 05/12/2005 và Phan Thị Thanh T - Sinh ngày 11/10/2007 cho anh Phan Xuân T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

-Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Xuân T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết việc hôn nhân, giao nuôi con chung của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát. Chị Tần Thị H đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Tòa án, chị H vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Tòa án nhân dân huyện Bát Xát tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Phan Xuân T và chị Tần Thị H kết hôn với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B T, tỉnh Lào Cai. Vì vậy hôn nhân giữa anh Phan Xuân T và chị Tần Thị H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Xuân T thì thấy rằng: Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 chị H bỏ nhà đi khỏi địa phương không để lại địa chỉ, không có thông tin gì về nơi cư trú của chị H.

Ngày 17/10/2018 Tòa án đã ra quyết định số 03/2018/QĐST - VDS tuyên bố chị Tẩn Thị H mất tích. Như vậy tình cảm giữa anh T và chị H không còn do chị H đã bỏ nhà đi. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Xuân T. Xử cho anh Phan Xuân T được ly hôn chị Tẩn Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Phan Xuân T và chị Tẩn Thị H có 02 người con chung là Phan Quốc H - Sinh ngày 05/12/2005 và Phan Thị Thanh T - Sinh ngày 11/10/2007. Nguyên vọng của cháu Phan Quốc H và Phan Thị Thanh T khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyên vọng được ở với bố là Phan Xuân T. Tại phiên tòa anh T đề nghị Tòa án giao cháu H và cháu T cho anh tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu của anh Phan Xuân T là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh Phan Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Xuân T được ly hôn chị Tẩn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Quốc H - Sinh ngày 05/12/2005 và Phan Thị Thanh T - Sinh ngày 11/10/2007 cho anh Phan Xuân T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Tẩn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phan Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003129 ngày 03/12/2018 của Chi cục

thi hành án dân sự huyện Bát Xát. Anh Phàn Xuân T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phàn Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Tẩn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện 2
- UBND xã B
- Người BVQLHP
- Các đương sự
- T.H.A 3
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hng Thị Sen

Trần Thị Trúc

Phạm Thị Thanh Hương

